

CUỘC HÀNH TRÌNH TỪ PHÁP ĐẾN VIỆT NAM

Nguyên Tác: **Voyage from France to Cochin-China
in the ship Henry, Captain Rey, of Bordeaux,
in the years 1819 and 1820**

Nguyễn Duy Chính
dịch và chú giải

Lời nói đầu:

Đây là một bản tự thuật của một nhà buôn đi tàu từ Pháp sang nước ta vào cuối đời Gia Long. Mặc dầu nhiều dữ kiện về nước ta thời ấy thiếu chính xác - vì tác giả chỉ ghi lại những tường thuật của dân chúng và một số quan lại, nhất là từ những người Pháp làm quan trong triều - nhưng cũng có những điều giúp chúng ta mừng tượng được tình hình hai trăm năm trước một cách sống động.

Vào thời điểm đó, tuy cuộc nội chiến giữa các phe phái đã chấm dứt nhưng một số dư hưởng vẫn còn. Vua Gia Long trưởng thành trong binh đao, khói lửa, cũng là vì vua sáng nghiệp có nhiều cơ hội tiếp xúc với bên ngoài nên ý thức được sự thua kém kỹ thuật so với các nước Tây phương, đã cố gắng ứng dụng những học hỏi trước là chiếm ưu thế trong cuộc tranh bá đồ vương, sau là để canh tân đất nước. Mức độ khôi phục về kinh tế và phát triển chính trị trong những năm đầu tiên của triều Nguyễn đã đưa Việt Nam lên một vị trí khá quan trọng trong vùng Đông Nam Á, một vị trí mà trước đây vì tình trạng qua phân, nội chiến nên nước ta chưa thể vươn tới được. Tuy nhiên sau khi ông qua đời, những vị vua kế tiếp đã không còn kế thừa được nhãn quan rộng rãi của vua Thế Tổ để bắt kịp với đà tiến bộ của thế giới.

Thiên hồi ký này cũng xác định một số chi tiết về tình hình của nước ta vào đầu thế kỷ 19. Trái với suy nghĩ thông thường cho rằng tình trạng kinh tế và kỹ thuật của Việt Nam thời kỳ đó còn sơ khai, những miêu tả của tác giả cho thấy vì nhu cầu chiến tranh, các phương tiện cơ giới và vũ khí của Tây phương đã ít nhiều được triều đình chú ý. Sách vở về khoa học và quân sự đã dịch ra chữ Hán và thành Huế được kiến trúc khá tân kỳ mà Rey miêu tả là "... một thành trì tiêu chuẩn nhất tại phương đông mà thành William ở Calcutta, luỹ George ở Madras do người Anh xây lên không sao sánh được ...".

Trong công tác thay đổi từ một quốc gia thời chiến sang thời bình, vua Gia Long đã sử dụng binh sĩ vào những công tác kiến thiết trên toàn thể đất nước. Việc tái phối trí nhân lực này thường ít được các sử gia quan tâm. Tuy nhiên cũng nên hiểu rằng một số rất đông binh sĩ vốn dĩ là hàng quân, hàng tướng của nhà Tây Sơn nay trở thành vô dụng, dù không bị ngược đãi thì cũng bị đối xử với thái độ nghi kỵ khi quay trở về đời sống bình thường, trong công tác xây dựng đã nhanh chóng trở thành một tầng lớp quần chúng mới làm gia tăng tốc độ "tái hội nhập" khiến cho chỉ trong hai mươi năm mà Việt Nam đã tiến được một bước khá dài trên con đường hồi phục. Đó chính là lý do tại sao rất nhiều công trình kiến trúc và đường sá được thực hiện ngay trong những năm đầu đời Gia Long, biến nước ta thành một quốc gia có kỷ cương, ngăn nắp trên cả hai phương diện kinh tế và hành chính.

Ngay từ đầu thế kỷ 19, triều đình Việt Nam đã quan tâm đến việc học hỏi và canh tân một số kỹ thuật, đáng kể nhất - như tác giả đề cập - là việc vua Gia Long muốn được giới thiệu loại tàu chạy bằng hơi nước. Tuy khái niệm về máy hơi nước đã được người Âu Châu nhắc đến từ giữa thế kỷ 18 nhưng tàu không dùng buồng chỉ mới được đưa vào ứng dụng năm 1783 và những tàu hơi nước đường biển chỉ mới được thí nghiệm tại Âu Châu, Mỹ Châu khoảng 1807 đến 1816. Nếu như thế, kiến thức về khoa học của vua Gia Long phải nói là rất sớm khi ngay khoảng 1819 ông đã muốn du nhập và mua một chiếc tàu tân kỳ này. Trong thời nội chiến, chính nhà vua (khi còn là chúa Nguyễn Ánh) đã tháo rời một chiếc tàu mà cha Bá Đa Lộc mua của Pháp để làm mẫu đóng nhiều chiến thuyền khác, góp phần đáng kể vào việc đánh bại thủy quân Tây Sơn.

Đối chiếu với những tài liệu khác của Tây phương trong cùng thời kỳ, chúng ta thấy ngay những thay đổi quan trọng về chính trị và tổ chức binh bị, nhất là việc xây dựng những thành trì để phòng thủ mặt biển mà trước đây chúng ta chưa quan tâm. Việc phòng thủ đó không phải một bắt chước ngẫu nhiên nhưng là một nhu cầu để chống lại việc xâm lăng từ các quốc gia xa xôi tấn công bằng phương tiện hải quân là một nguy cơ trước đây chưa hề có trong lịch sử.

Cũng khá ngạc nhiên khi biết hoàng tử Đam (vua Minh Mạng khi còn là thái tử) đã học được phép trắc địa bằng cách đo các góc độ các vì sao và ông cũng có thể đọc, viết chữ quốc ngữ là thứ chữ mới mà các thừa sai đạo Thiên Chúa dùng để ghi chép và giảng đạo trong thời đó. Việc chạy đua vũ trang và canh tân hành chánh tuy ít được đề cập tới trong lối sử biên niên của triều Nguyễn thì lại được miêu tả khá chi tiết khiến chúng ta có thể tin chắc đường lối tổ chức và kiến thức kỹ thuật du nhập từ các sĩ quan Âu Châu đóng một vai trò quan trọng trong cuộc chiến thống nhất đất nước.

Xin nói thêm, trong bài này tác giả gọi nước ta là Cochín-China, người nước ta là Cochín-Chinese. Cochín-China nguyên là tiếng nước ngoài gọi khu vực Đàng Trong, phần đất dưới quyền chúa Nguyễn trong cuộc phân liệt Bắc – Nam thế kỷ 16 đến thế kỷ 18. Trong thời điểm du ký này, nước ta đã có tên mới là Việt Nam nhưng theo thói quen người ngoại quốc vẫn dùng chữ Cochín-China để gọi một nước thống nhất từ Nam ra Bắc. Chúng tôi mạn phép sửa lại là Việt Nam thay vì dùng hai chữ Đàng Trong trong bản dịch.

Nguyễn Duy Chính

Trong chuyến đi trước đây đến Việt Nam, nhà vua xứ này nhờ tôi khi qua Pháp tìm mua nhiều món hàng, nhất là vũ khí cho việc quân sự của vương quốc. Những việc đó tôi đã hoàn thành và xuống hàng trên chiếc Henry ở Bordeaux, rồi giương buồm từ Garonne quay lại Việt Nam vào ngày mồng 3 tháng 2 năm 1819.

Chuyến đi cho tới tận eo biển Sunda - giữa Sumatra và Java - không có gì đáng nhắc tới, ngoại trừ việc cập bến Praga ở St. Jago, một hòn đảo thuộc Cape Verd vào ngày 26 tháng 2. Lần đi trước chúng tôi đã kéo giùm vào hải cảng một chiếc tàu nhỏ thuộc về quần đảo mà chúng tôi thấy đang trôi lênh bênh trên biển nên lần này chúng tôi được viên chỉ huy, Don Juan De Lancaste, đón tiếp như bạn cũ và cả ông ta lẫn viên toàn quyền đối xử thật tử tế.

Ở cảng Praga chúng tôi bổ xung thêm một lô gia cầm, heo, dê và đủ loại rau cỏ, vừa phong phú giá lại hời nếu so với giá tại Pháp. Vào ngày 2 tháng 6, ngày thứ một trăm lẻ chín trong chuyến hải trình, chúng tôi thả neo trước pháo đài của người Hoà Lan tại Angier trên bờ biển Java trong eo biển Sunda, nơi đây chúng tôi được dân địa phương cung cấp đủ loại phẩm vật cần thiết. Để đáp lại, viên y sĩ (1) của tàu Henry đã chỉ bảo và tặng lại thuốc men cho viên chỉ huy hiện đang cần một vài bài báo về materia medica (dược học) mà ông ta không thể kiếm được ở nơi đồn trú này. Chúng tôi lại khởi trình vào ngày mồng 5 và đến ngày mồng 7 thì đi qua hai đảo nhỏ đẹp đẽ có tên là hòn Chì Em.

Gió ngược chiều nên chúng tôi có vô số dịp báo động nhất là khi tiến gần Chabendeao, một triền cát nguy hiểm ở phía tây các hòn đảo này. Nơi nước nông nhất chúng tôi tìm được ở vào khoảng 3 1/3 hải lý cùng hướng đó là 4 fathoms (2) Anh (khoảng 4.5 brasses của Pháp). Không có dấu hiệu gì trên mặt nước cho thấy chúng tôi ở gần bờ nhưng thời tiết và biển quả rất yên. Gió đông nam mới nổi lên và chúng tôi vào được eo Clement nhiều khó khăn hơn chuyến trước.

Trong hai đêm chúng tôi gặp mưa bão đổ ào ào trên đầu. Mấy lần tôi thấy ánh chớp bốc lên cách tàu không xa nhưng tiếng sấm không nghe vang lại, chỉ giống như một tiếng đại bác, trái với tiếng sét từ cao đánh xuống bao giờ cũng có tiếng rền vang kèm theo.

Trong cơn mưa bão đổ xuống như trút nước, dòng nước chảy về hướng tây nam thật mạnh và gió thay đổi luôn khiến chúng tôi không còn cách nào khác hơn là neo tàu lại chờ cho bão ngớt. Ngày mồng 9, vào lúc 7 giờ sáng chúng tôi đi ngang sát với hòn Fairlie, một cù lao nổi bật trên biển khiến có thể nhìn thấy từ khoảng cách xa đến 3 dặm. Khi đã đến gần hơn, nơi góc đông bắc độ sâu chỉ có 6 fathoms 1/6 (khoảng 7 brasses của Pháp). Chúng tôi có thể nhìn thấy hòn đảo nhô ra một cách rõ ràng và vị trí của nó phù hợp với nơi Horsburgh đã vẽ.

Từ đây trở đi nước sâu dần cho đến khi sóng ngang với những hòn đảo ở Sheal. Lúc 10 giờ sáng tàu đi ngang qua eo biển Clement, Near Gaspar hỏi thăm một chiếc tàu Pháp từ Trung Hoa đi về Âu Châu và được biết chiếc tàu Bordelais, từ Pháp đi 2 năm trước đây đã qua eo biển Carimate trên đường về để hoàn tất cuộc hải hành vòng quanh thế giới.

Ngày 17, chúng tôi đi dọc theo bờ phía đông của đảo Pulo Condor **(3)** và đến sáng ngày 19 thì chúng tôi đã thấy bờ biển Việt Nam **(4)** chạy theo hướng tây-tây-bắc qua đông bắc và trước mặt là mũi Kè Gà (Kega). Chúng tôi phải làm sao lái tàu để cho ra quá 10 dặm về phía đông khỏi cực đông bắc bờ Matthew-Brito nhưng không có cách nào có thể xác định được vị trí hay khoảng cách đó được.

Công việc của tôi trong chuyến đi này chỉ liên quan đến chính quyền của nước này mà thôi nên chúng tôi trực chỉ đến Tourane bằng cách đi dọc theo đất liền mà tôi thấy đã vẽ trong hải đồ của M. Dayot nhưng ông ta không vẽ xa hơn cù lao Canton.

Vịnh Tourane đã được ghi lại trong chuyến Hải trình đến Trung Hoa năm 1792 của Lord Macartney nhưng việc chúng tôi ở lại quốc gia này đã giúp tôi vẽ lại chính xác hơn và tôi thêm một đường bờ biển từ sông Hội An (Fai-Fo) đến đảo Tiger và tôi cũng vẽ thêm con sông ở Huế. Khi chúng tôi bỏ neo tại vịnh Tourane ngày 24 tháng 6, nghi thức chào căn cứ được đáp trả và sau đó vị Fantou, tức vị võ quan, đã lên tàu Henry. Ông ta nhớ tất cả chúng tôi, gọi bằng tên của từng người, và cho chúng tôi hay là Hoàng đế, vì sốt ruột chờ tin chúng tôi, đã gửi sứ giả đến nhiều nơi trên bờ biển hỏi thăm xem có thấy chúng tôi đến hay chưa.

Sau chuyến viếng thăm ngắn ngủi, ông ta lên bờ để về báo tin cho nhà vua là chúng tôi đã đến bình an, đồng thời cầm thư của tôi gửi đến các quan người Pháp đang làm việc trong triều đình. Lẽ dĩ nhiên tôi cũng cần biết tình hình nơi đó ra sao trước khi tôi lên đường vào kinh đô nhưng phải mất đến 5 ngày thư của tôi mới có phúc đáp. Trong thời gian đó, chúng tôi đi thăm nhiều nơi trong chiếc vịnh kỳ quan này và làm quen, cũng như gặp lại nhiều cư dân ở đây khiến chúng tôi xác quyết thêm về nhận định là người dân nơi đây rất dễ chịu và hiếu khách. Một số sĩ quan của tàu Henry đã qua nhiều ngày đêm, không phải chỉ tại những làng quanh vịnh, mà ở tại những nhà riêng trong xứ này, mà không gặp bất cứ một sự xua đuổi hay phiền nhiễu nào, ngược lại được tiếp đãi thật là thân mật và nồng hậu.

Đến ngày 29 tháng 6, thư từ triều đình báo cho tôi là muốn ở lại vịnh Tourane thì ở hoặc dong tàu đi theo sông lên kinh đô Huế, và trường hợp nào cũng được phụ giúp để rời hàng xuống. Có tham vọng chiếc tàu Henry sẽ là thương thuyền Âu châu đầu tiên vào cảng của kinh đô, chúng tôi đi từ Tourane buổi trưa, đến 6 giờ sáng hôm sau đã thả neo ở cửa sông Huế, cách kinh thành một dặm về phía đông bắc.

Ở đây chúng tôi gặp một chiếc tàu Pháp khác, chiếc Rose, đã đến đây mấy hôm trước, và đang bắt đầu xuống hàng rồi. Sau khi làm lễ chào ra mắt, viên Fantou (tức vị chỉ huy quân sự) **(5)** và viên Thoughou (tức viên quan coi về hình pháp) **(6)** lên thăm chúng tôi, mang cá tươi và trái cây nhưng quà giao tiếp của chúng tôi giữ lại dành vào dịp khác. Viên thuyền trưởng tàu Rose cũng lên tàu Henry và tôi thấy ông ta chưa hài lòng với công việc giao thương cùng triều đình Huế, ngặt là số hàng hóa để ở kinh đô thật khổng lồ, bao nhiêu vốn liếng của công ty đều trôi vào đấy cả.

Trường hợp của tôi thì khác hơn vì tôi là chủ nhân duy nhất đảm trách mọi giao dịch, việc tôi làm không những tăng thêm sự chú ý đến cá nhân tôi mà còn ảnh hưởng đến cả đất nước và đồng bào tôi trong tương lai nói chung. Tôi dự tính là sẽ không thương thảo buôn bán gì trước khi tham khảo với hai người Pháp hiện đang làm quan và được biệt đãi trong triều.

Qua hai người này, tôi được biết những khó khăn trong giao dịch với chiếc tàu Rose là do trị giá mà triều đình ước lượng về những vũ khí họ mang tới bán. Không dám khẳng định là bên nào có lỗi, tôi chỉ đề nghị với bất cứ ai đến Việt Nam đừng nên chỉ trông vào trí nhớ mà bất cứ thương thảo nào cũng phải dựa vào giấy trắng mực đen.

Hai người Pháp được nhà Vua phong quan tước, các Ông Vanier và Chaigneau, dùng chiếc tàu của họ đưa tôi lên kinh đô Huế, nơi đó, trước khi vào gặp viên quan lễ tân, tôi viết thư trao đổi về nguyên tắc thương mại với họ. Lời hồi đáp của viên quan cho thấy triều đình hết sức công bằng nên tôi rất hài lòng.

Ngày mồng 4 tháng 7, khi diện kiến viên quan đó, tôi trao tặng theo thông lệ một số hàng Âu Châu, giá trị không nhiều nhưng lạ lùng, độc đáo vào thời đó, và những món quà đó không phải là cống phẩm bắt buộc mà chỉ để biểu lộ tình giao hữu cũng như để cảm ơn những ưu đãi mà chúng tôi mong sẽ được. Xem ra họ hiểu điều đó và cảm thấy thích hợp, sẵn sàng đáp ứng. Sau đó tôi thông báo cho viên thượng thư rằng

ngoài danh mục mà triều đình đặt mua, tôi cũng có một số mẫu máy móc trên tàu có thể có ích cho quốc gia và tôi mong được trình lên hoàng thượng liệu xem có muốn đặt mua không?

Vào thời đó tại Huế cũng có một người Bồ Đào Nha làm chủ một tàu nhỏ trên đường từ Manilla qua Xiêm bị giữ lại Việt Nam sau ba tháng neo trên biển. Ông ta nhờ tôi giúp đỡ để làm sao quay lại Manilla, đồng thời báo cho tôi biết đã giao cho chính quyền một phần hàng trên tàu nhưng viên quan thứ hai lo về chuyên chở, người thông ngôn, và những người khác gây khó khăn cho việc thanh toán với hi vọng là sẽ ăn chặn được một số trong món tiền còn thiếu. Một người Bồ Đào Nha đang ở xa Âu Châu đối với tôi thì cũng chẳng khác gì đồng hương, những gì xảy ra cho y thì rồi cũng đến với tôi thôi.

Trong việc này tôi yêu cầu phải có một người thay mặt, đó là những viên quan người Pháp đang ở trong triều đình Huế. Người lái buôn Bồ Đào Nha được trả tiền và bốn viên quan kia được hân hạnh đóng gong và phạt trọng. Việc đó khiến cho viên thượng thư bộ Lễ cảm ơn tôi vì đã đem ra ánh sáng những hành vi tệ hại nhưng tôi cũng nhìn thấu tâm can ông này. Nhiều người du hành đã nhận xét là đối với người Trung Hoa thì nhút nhát hay lịch sự không hiệu quả bằng hăm dọa hay cứng cỏi và điều đó dường như cũng đúng đối với dân Việt Nam.

Vào ngày mồng 6 tháng 7, những mẫu máy được chở đến kho súng, do đích thân thái tử đến xem xét và chỉ huy những thợ khéo nhất học cách sử dụng. Hai ngày sau, chính nhà vua cũng đến và xem ra rất hài lòng khi giải thích cho ngài về một số máy móc. Máy ép và đập dùng sức nước, máy xay bột và máy dát đồng xem chừng được hoàng thượng chú ý hơn cả.

Trong kỳ trước tôi đã dẫn giải kỹ càng về sức mạnh kỳ diệu của máy chạy hơi nước nhưng khi trở về, vì thời gian ở Pháp ngắn quá, không kịp đóng một chiếc tàu chạy bằng hơi nước cho nhà vua nên ngài rất thất vọng. Tôi cũng đã thuê một nhà kho để trưng bày những hàng định bán nhưng dân chúng xem ra không mấy thiết tha. Kính đeo mắt và các đồ thủy tinh, đồ chạm khắc, vũ khí xem ra được chú ý nhiều nhất. Để khoe khoang, các quan mua một vài món đồ lặt vặt nhưng thực tế cho thấy dân chúng ở đây chưa đạt đến trình độ văn minh và đủ phong túc, để có thể mua hay thưởng ngoạn những hàng hoá kỹ nghệ tinh xảo mà người Âu Châu coi như nhu cầu cho đời sống thêm thoải mái. Tuy nhiên, triều đình luôn luôn cần một số lượng đáng kể nhiều loại hàng khác nhau nên cũng đỡ gánh nặng phải trả bằng tiền mặt những vật dụng chúng tôi cần mua ở xứ này.

Nhờ những thuyền lớn của triều đình nên chúng tôi có thể rẽ xong toàn bộ hàng hoá trong vòng một ngày và được phép đưa thuyền theo sông lên kinh đô. Nhà vua rất thích chí cho triều thần quan chiêm một chiếc tàu của Âu Châu. Ngay cửa sông Huế là một cồn cát, rộng vào khoảng 9, 10 fathoms. Khi ròng, nước chỉ sâu khoảng 12 feet 1/4 Anh và khi nước lên thì cũng chỉ thêm khoảng 1 foot rưỡi. Tàu Henry đáy sâu 12 feet cho nên nhờ nước lặn chúng tôi vượt qua được cồn cát vào trong mực sâu 4 fathoms rưỡi, mực sâu đó cũng ngang với bên ngoài.

Đến trưa hôm đó, lá cờ Pháp lần đầu tiên phất phới ngay trước thành của kinh thành của xứ Việt Nam, nơi chúng tôi neo tàu một cách vững chãi không khác gì tại một công xưởng, cách một làng không xa nên cần gì cũng có. Nơi neo tàu đó quả là may mắn vì vào mùa này thường có những cơn bão từ hướng tây bắc thổi tới và nếu đậu bên ngoài đụn cát thì thật là nguy hiểm.

Hai viên võ quan chỉ huy hải cảng này luôn luôn sẵn sàng phục vụ chúng tôi; một người thì sốt sắng học tiếng nói và đạt được kết quả rất khả quan trong thời gian chúng tôi lưu lại trên sông. Nghe nói trên tàu có hai thủy thủ học việc vốn là tay đánh trống (drummers) trong quân đội nên nhà vua đã gửi đến hai mươi đến ba mươi tay trống của triều đình đến để tập theo cách của chúng tôi.



Hình 1: Vua Gia Long

Việc kiểm soát hàng chục ngàn món vũ khí giao cho triều đình trong khi chỉ có một số rất ít người bản xứ có khả năng sử dụng một cách thích đáng khiến tôi có rất nhiều thời giờ để xem xét kinh thành mà lần trước khi tôi tới đây thì còn là những đồng gạch vụn. Chỉ trong hai năm kinh đô đã hoàn toàn tân tạo và biến thành một pháo đài kiên cố. Nhà vua đã ra lệnh dịch những tài liệu quân sự bằng tiếng Pháp tốt nhất để đem dùng, xây thành theo kiểu Vauban tại Việt Nam và kiến trúc một thành trì tiêu chuẩn nhất tại phương đông. Thành William ở Calcutta, lũy George ở Madras tuy do người Anh xây lên nhưng không sao sánh được.

Huế, cái tên mà chúng tôi gọi kinh đô này đúng ra là tên của tỉnh nơi nó tọa lạc. Thành phố này thường được gọi là Kẻ Huế **(7)** chính là nơi nhà vua hay triều đình cư trú. Thành Huế nằm trên một hòn đảo bao quanh bằng những sông đào hay phụ lưu của con sông chính. Hệ thống phòng ngự là một khu vực tứ giác, bốn bên để bốn pháo đài, có bốn cửa chính và các cửa hông. Thành có móng và hào chung quanh bằng đá, trên là gạch và đất khoảng 4 thước **(8)** lên khỏi mặt đất. Hào rộng khoảng 60 mét (30 toises), sâu chừng 6 mét (3 toises).

Mỗi mặt thành dài chừng 3 dặm, bao gồm 500 lỗ châu mai, tất cả chu vi đặt 2000 khẩu đại pháo, kho súng trong thành còn chứa 4000 khẩu súng nữa, từ loại đạn 4 pounds đến loại đạn 69 pounds của Pháp, tất cả đều đúc bằng đồng và đặt trên giá. Súng đặt trong các khung pháo chung quanh thành Huế là các loại 24 và 36 pounds. Chín khẩu súng 69 pounds dự định sẽ đặt tại một ụ đất **(9)** ngay trước hoàng cung mà tự nó đã là một nội pháo đài rộng rãi, có tường và hào bao quanh. Doanh trại trong thành có đủ chỗ cho 3 vạn lính.

Bên trong phòng thành có rất nhiều cung điện để cho vua ngự, còn ở xung quanh bên ngoài là nơi ở của các hoàng tử, đại quan và thừa sai nước ngoài. Ngoài nữa là kho đạn, kho thóc lúa, phố chợ buôn bán và nhà dân trong kinh thành. Đường sá đều thẳng tắp, trải cát và trồng cây hai bên, chiều rộng là 60 feet. Tận cùng của tám con đường chính là 16 cửa thành đối xứng nhau và thành phố còn cắt ngang bởi 4 con sông đào có thể dùng thuyền đi lại. Đó là dự phóng của thành phố nhưng khi chúng tôi ra đi thì nhiều việc còn đang tiếp tục. **(10)**

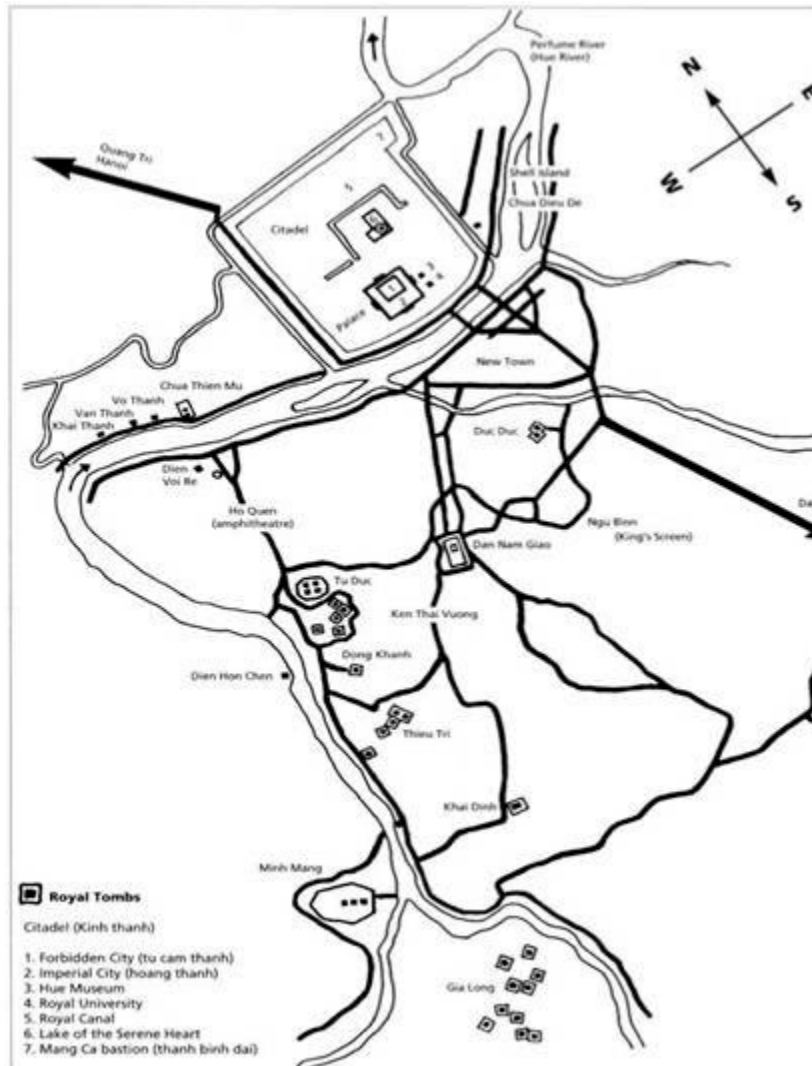
Theo những tin tức đúng đắn nhất chúng tôi thu thập được tại kinh thành thì lịch sử xứ Cochinchina chỉ chừng 600 năm. Trước thời này quốc gia dường như bao gồm nhiều bộ lạc độc lập, thường đánh lẫn nhau nhưng đều phục tùng xứ Bắc Hà **(11)** mà chính xứ này cũng là một phiên thuộc của đế quốc Trung Hoa rộng lớn. Khi Bắc Hà nổi lên chống lại Trung Hoa, người Đảng Trong cũng đứng dậy giành độc lập dưới quyền một hoàng tử họ Nguyễn mà họ trao cho quyền hành tuyệt đối. **(12)**

Sau nhiều cuộc khởi nghĩa và chiến tranh liên tiếp, nội chiến cũng như với bên ngoài, ba anh em Nguyễn Nhạc **(13)**, đứng đầu một nhóm thảo khấu **(14)** gọi là bọn Tây Sơn (người miền núi ở phía nam tỉnh Siampa), đánh đuổi được sự cai trị của gia đình họ Nguyễn, chia đất nước ra để cai trị. Năm 1776 (?), một trong những anh em này thoái vị và người anh cả chọn miền nam của Đảng Trong, miền bắc vào tay người em út là người sáp nhập luôn vùng đất của Bắc Hà, sau khi đuổi được một lực lượng Trung Hoa to lớn gửi qua để đánh y. Thế nhưng năm 1779, thù nghịch nảy sinh giữa hai anh em kẻ cướp ngôi, và vị vua hiện

thời, Gia Long, một hậu duệ của gia đình họ Nguyễn cũ, đánh bại những địch thủ của ông năm 1806 (?), lấy lại ngai vàng xứ Đàng Trong và chiếm luôn cả xứ Đàng Ngoài, cùng xứ Đồng Nai (15) là phía bắc của vương quốc Cambodia (16).

Gia Long là cha của vị hoàng tử trẻ 6 tuổi người đa ỗ đến Pháp năm 1788, dưới sự chăm sóc của Giám Mục xứ Adran, một nhà truyền giáo người Pháp từng ở tại Đàng Trong lâu năm, để tìm cách xin giúp đỡ khôi phục vương triều cho cha cậu. Vị vua thiếu may mắn kia lại giới thiệu cậu tới một vị vua thiếu may mắn khác ở vào thời điểm cuối mùa của những người cực kỳ bất hạnh (17) . Những tai hoạ đổ dồn đến với Lewis XVI (18) khiến chẳng ai còn chú ý đến những ông cố đạo đang cố gắng vận động cho Gia Long.

Triều đình hiện thời của xứ Việt Nam theo chính thể chuyên chế tuyệt đối; ở khoản này có thể nói không kém bất cứ quốc gia nào trên toàn cõi Á châu, một khu vực mà ngay từ thời kỳ đầu tiên của lịch sử hoàn toàn không biết gì đến tự do hay hiến pháp.



Hình 2: Khu vực kinh thành Huế và chung quanh

Những ông quan có quyền hành y hệt như tại Trung Hoa. Ở nước này họ được gọi là quan (19), có nghĩa là chủ hay thầy và chữ Long (20) được dùng để gọi một viên thượng thư hay một viên chức nhất phẩm triều đình. Danh từ mandarin mà người Âu chúng ta dùng để chỉ những người có chức tước hay quan lại ở Việt Nam, và ngay ở Trung Hoa, là tiếng Bồ Đào Nha để chỉ một người có quyền hành hay chỉ huy.

Gia Long, một người không hẳn đã đáng nhớ về nổi thẳng trầm trong đời hơn là về thiên tài và đạo đức, luôn luôn có tham vọng tiến hành đổi mới và cải tiến hệ thống hành chính công quyền. Tuy nhiên vì sợ xa rời đạo thánh hiền, và phải chiều theo đại số quần chúng nên ông đành phải ngừng lại ở xa những cải cách mà ông dự tính. Được trui rèn trong môi trường chiến đấu nên ông thủ đắc được thông tin về nhiều vấn đề

mà những vương hầu của phương đông không thể có được. Chính vì thế ông không lạ lùng gì thái độ của thần dân và việc họ phù hợp đến đâu với hệ thống chính quyền mà ông định đưa ra. Vì lý do đó, ông không chọn con cả làm người thừa kế mà chọn người ông biết rằng có khả năng và cứng rắn hơn cả, người mà (theo chính lời ông) "có thể vung cây roi và dùng nó không nề nang với bất cứ thần tử nào, dù lớn hay bé". "Yêu cho roi cho vọt" là một câu nói đáng noi theo nhưng ở Việt Nam thì tình cảm đó phải ngược lại. Ở đây kẻ bầy tôi dường như muốn nói với đấng quân vương "nếu ngài muốn tôi kính trọng, yêu ngài thì ngài phải ra oai trước". Yêu và sợ đồng nghĩa với nhau nơi cửa miệng người Việt Nam vì họ không phân biệt được giữa "Tôi sợ ngài" và "tôi kính ngài".

Dân luật vay mượn từ đại quốc (tên gọi Trung Hoa) áp dụng vào Việt Nam nên quá là phức tạp. Việc giải thích luật thật khó khăn, nên chỉ đến khi được viết lại (cho dễ hiểu hơn) thì họ không thể nào hiểu được, ngoại trừ một số rất ít người có học. Thành thử các vụ kiện tụng hầu như không dứt, thành thử, khi có một vấn đề quan trọng cần có quyết định thì phán quyết của viên quan cấp thấp được đệ lên hội đồng hoàng gia **(21)** và hội đồng này có quyền y án hay đảo ngược. Thông thường nhất là hội đồng đòi hỏi thêm tin tức về nội vụ. Bằng cách đó, bên nguyên đơn sẽ thấy rằng vụ án sẽ lắng nặng và tốn kém ngoại trừ viên tổng đốc hay đích thân nhà vua can thiệp vào ngay từ đầu.

Cơ chế công quyền liên quan đến tội hình thì được tổ chức và điều hành chu đáo hơn nhiều. Các phán quan trong mỗi làng quyết định đầu tiên, sau đó tất cả tài liệu liên quan đến nội vụ được trình lên cho đại hội đồng và toàn bộ vụ án được thẩm định. Nếu có gì sai sót trong việc phán xét thì viên phán quan bị phạt; và đích thân nhà vua sẽ xem lại và trong ba thời kỳ khác nhau, sau đó bản án sẽ được hội đồng công bố.

Bản án đó nhà vua có thể sửa lại nhưng chỉ có thể có lợi hơn cho bị can chứ không thể tăng hình phạt và ba lần tái thẩm định sẽ giúp cho ông có thì giờ để đưa ra một quyết định thích đáng cho toàn bộ vụ án. Nguyên tắc đó do chính vua Gia Long đưa ra trong thời nội chiến ngõ hầu ông có thể đề phòng những bất công hay thành kiến trong việc định án liên quan đến các bầy tôi mà trước đây chưa lâu còn là kẻ đối nghịch: nguyên tắc này hiện vẫn chưa được áp dụng trong cơ cấu tài phán lỗi lạc nhất của những quốc gia Gia Tô giáo ở Âu Châu.

Nhà vua cũng có thói quen tha thứ cho các tội phạm, hay ba lần liên tiếp khoan dung cho những ai có tiếng công minh và liêm chính. Nhiều lần ông nói với Giám mục xứ Adran **(22)** người mà ông luôn luôn coi như một bậc thầy sáng suốt. "Vì tình bạn giữa ngài và tôi, ngài sẽ không bao giờ phải chịu phán quyết quá nghiêm khắc. Như thế nếu như ngài đến xin tôi tha thứ một phạm nhân ba lần thì đó cũng còn là một cách chứng tỏ là tôi sai lầm."

Viên tổng trấn Bắc Thành hiện tại trước đây cũng là thủ lĩnh một đạo quân thù nghịch của vua Gia Long. Khi y bị bắt giải đến doanh trại của nhà vua, ông đã yêu cầu y hoặc chịu hình phạt của một loạn tặc, hoặc gia nhập vào quân đội của ông. Người này được giao phó một chức vụ chỉ huy quan trọng. Tháng 4 năm 1803 (?) y là người tiên phong tung ra một trận tấn công vào Kẻ Huế **(23)**, kinh đô của Tây Sơn, khi đó do chính tiếm vương chống giữ. **(24)**

Y đã bắt được ông vua này nhưng sắp xếp để ông ta trốn được và cảnh cáo rằng nên tránh những đường tiến quân của y. Sau đó ông ta lập tức quay lại gặp vua Gia Long, tâm rằng:

- Tàu bệ hạ, trong mười năm thần ăn gạo của người đó trước khi làm bầy tôi của bệ hạ thì nữ nào thần lại đưa y vào chỗ chết cho được?

Nhà vua trả lời:

- Ở vào địa vị người thì ta cũng làm như vậy thôi.

Lực lượng quân sự của Việt Nam hiện nay bao gồm 160,000 người nhưng thời chiến con số có thể lên gấp đôi, trong số này bao gồm cả 30,000 thủy quân. Tất cả lực lượng đều là bộ binh, chẳng phải vì khan hiếm ngựa nhưng vì đất nước này chẳng chặt những sông ngòi, đồi núi nên kỵ binh hầu như không dùng được vào việc gì. Một bộ phận lớn của quân đội được trang bị vào chỉ huy theo kiểu Tây phương. Thế nhưng cách thức của Gia Long có nhiều điều đáng cho một khu vực khác của thế giới bắt chước. **(25)**

Gia Long chẳng để cho lính ngồi không. Trong thời bình ông dùng lính như thợ thuyền trong mọi công tác và trở thành đủ loại nhân công. Chính nhờ thế mà hệ thống đường sá và kênh đào đã được khai mở hay tu sửa; nhiều công trình cần thiết để khắc phục hậu quả của cuộc nội chiến tàn khốc vừa qua cũng được thực hiện.

Người Việt Nam tự cho rằng – và tôi nghĩ rằng cũng có lý do chính đáng – họ vượt trội các nước láng giềng và là một đại quốc trên nhiều phương diện. Một điểm quan trọng mà người Việt Nam có được, đó là họ không ngừng cải tiến nghệ thuật buôn bán, trong đó sự tưởng tượng và phát minh là tiền đề để đạt tới hoàn chỉnh. Thành ra họ sốt sắng du nhập cải tiến và sự chỉ vẽ của các quốc gia khác. Chẳng hạn như trong vấn đề hàng hải, những tiến bộ của họ thật to lớn. Nhiều tàu của hoàng đế được đóng theo kiểu của người Pháp. Chữ viết theo mẫu tự La Mã được dùng hầu hết trong những người theo đạo Thiên Chúa ở xứ này kể cả nhiều người ngoại đạo. Khiếm khuyết của họ về khoa học chính vì những thầy đồ không muốn thế chứ không phải tại họ không có khả năng hay không muốn học.

Vào ngày 22 tháng bảy, nhà vua cho hay ông có ý định ra Cửa Hàn **(26)** (hải cảng) để tế thần linh đã phù hộ cho đoàn tàu từ Bắc Hà đến kinh được bình an mang theo cống phẩm thường niên; và sáng hôm sau lúc 10 giờ, trống chiêng, cồng đánh vang lên báo hiệu ông khởi hành. Trong thời gian gần đây chiếc thuyền rồng (lâu đài nổi) của nhà vua để tại kinh thành để tu bổ. Chiếc lâu đài nổi đó gồm hai tầng, dựng trên một chiếc tàu đáy phẳng rất lớn, chứa đựng đủ chỗ ăn ở cho toàn bộ hoàng gia và tùy tùng, tổng cộng khoảng 300 người.

Đến trưa thì đoàn xa giá xuất hiện; đầu tiên là hai chục thuyền chia thành hai hàng, mỗi chiếc có 60 tay chèo mặc đồng phục màu xanh, trên cắm cờ hiệu màu xanh. Sau đó là hai chục thuyền khác cùng loại, cờ hiệu và đồng phục màu vàng.

Bốn thuyền lớn mỗi thuyền 120 tay chèo, cờ và đồng phục đỏ, có mái che, trong đó các hoàng tử ngồi. Kế tiếp là hai mươi thuyền sơn son thiếp vàng rực rỡ chở các thị vệ, theo sau là mười chiếc khác kéo chiếc thuyền rồng, trên cắm cờ hiệu. Đoàn thuyền ngự được đoạn hậu bằng mười chiếc chiến thuyền hộ tống. Sau đó là đủ các loại thuyền của các quan và khoảng 2000 bộ binh đi dọc theo hai bên bờ sông đồng bộ với đoàn thuyền.

Sau khi hoàng thượng đi qua, chúng tôi bắn súng chào và chẳng bao lâu một võ quan lên tàu xin lỗi rằng họ không thể bắn trả lại đáp lễ. Nhà vua ở dưới sông đến ngày thứ ba nhưng vì trời mưa nên sau cùng phải quay về kinh đô mà không thể tế thần được.

Vài năm trước, khi một đoàn thuyền chuẩn bị đi lên Bắc Hà, nhà vua ra lệnh cầu đảo theo tôn giáo của ông ta để tìm giờ tốt khi ra biển; một việc mê tín theo tục lệ nơi đây. Các pháp sư sau khi xin ý kiến thần linh, đưa ra câu trả lời trái ngược với ý muốn của hoàng đế nhưng hai ngày sau khi đoàn tàu ra khơi thì bị bão đánh đắm mất 150 chiếc thuyền trong tổng số 180 chiếc. Tất cả bọn thầy pháp đều bị phạt trọng và nhà vua tuyên bố rằng sẽ không để một cái đầu nào trên cổ của cả đám nếu từ rày trở về sau trời họ không cầu được hoàng thiên chứng giám cho ngày mà nhà vua đã định để rong thuyền ra đi.

Gia Long nay đã 59 tuổi và thời gian lao tâm lao lực ngài phải gánh chịu trước khi lên ngôi đã làm cho ông suy yếu nhiều. Thế nhưng ông vẫn thiết triều mỗi ngày và dạy cho thái tử thuật trị nước. Vị hoàng tử trẻ kia nay chừng 30 tuổi là người được giáo dục chu đáo và là một trong những người hay chữ nhất của vương quốc này. Ông thông thạo các phép hình học, thiên văn, địa lý. Thịnh thoàng ông cũng viết bằng chữ mẫu tự La tinh nhưng ông không chịu học bất cứ thứ tiếng ngoại quốc nào ngoài tiếng mẹ đẻ. Nhiều tác phẩm thực dụng Âu châu đã được dịch ra cho ông dùng và từ một trong những vị quan người Pháp, ông đã học được phép tính kinh độ của một nơi bằng cách đo trăng sao. Nhà vua cũng sai một viên quan bản xứ vốn đã theo học các nhà truyền giáo ở Trung Hoa tính toán những biểu đồ thiên văn mà người ta bảo là cực kỳ chính xác. **(27)**

Tháng 9, tháng của gió mùa đổi chiều nay đã đến. Sau mùa này thì việc đi thuyền xuôi giòng sông Huế rất khó khăn nên chúng tôi phải chuẩn bị để khởi hành. Ngày 25 tháng 8 là ngày lễ hội đức vua Louis XVIII được cử hành ngay trên tàu Henry với sự có mặt của không những mọi người đồng hương của chúng tôi đang ở kinh đô mà còn cả một số quan lại chúng tôi quen biết và (điều này lại càng đáng ghi nhớ) các vị phu nhân của họ. Một trong những lần mọi người nâng ly chúc mừng là "moun, moun thuoe boua-Falanca, boua-A nam" **(28)** ; thế có nghĩa là vua Pháp và vua An Nam vạn tuế.

Xứ Việt Nam vì vừa qua khỏi những xáo trộn và tàn phá của phân liệt và chiến tranh nên đất đai để canh tác không còn mấy. Để xuất cảng họ chỉ sản xuất được một vài loại như lúa gạo, thuốc lá, cau và khách buôn Trung Hoa cũng chờ đường nếu như không kiếm được cau. Đất đai của xứ này rất màu mỡ và chỉ cần bỏ ít sức lao động thì đã sản xuất được dư thừa những gì cần dùng. Sản lượng ở đây tương đương như ở Philippines hay Bengal. Ngay cả hàng Trung Hoa cũng có thể mua được ở Việt Nam với giá còn rẻ hơn ở Quảng Đông, được các thuyền buôn Trung Hoa chở tới và họ không chịu thuế nặng như các thuyền buôn ngoại quốc.

Người dân Việt Nam bản chất dịu dàng, hiền hoà, lễ độ và thông minh. Người bình dân của xứ này hơn hẳn thành phần tương tự ở Trung Hoa, và còn hơn cả người Âu Châu nữa về mặt đạo đức và tốt bụng. Tục đa thê khá phổ biến nhưng chỉ có một bà vợ được coi như nội tướng trong nhà, những người khác là đầy tớ của bà ta, con cái của họ cũng không được thừa hưởng gia tài của người cha mà chỉ nuôi chúng khi ông ta còn sống (?). Vợ chồng có thể bỏ nhau nếu như hai bên đồng thuận và con cái chia đôi giữa cha mẹ. Tục đa thê và ly dị là những trở ngại chính mà các nhà truyền giáo phải vượt qua trong việc rao truyền đạo Thiên Chúa trên vương quốc này. Sự thiếu chung thủy trong hôn nhân sẽ bị tử hình cho cả hai người phạm gian.

Đàn bà thuộc giai cấp trung lưu và thượng lưu ở Việt Nam thường rất kín đáo và cũng rất đẹp nhất là ở các tỉnh miền Bắc, nơi khí hậu điều hoà hơn cả nên da dẻ họ cũng trắng hơn người ở các tỉnh trong nam. Thế nhưng tất cả mọi người (như người Âu Châu chúng ta thấy là như thế) nhiễm nặng thói quen ăn trầu, cau trộn với vôi nung bằng vỏ sò khiến cho miệng họ đỏ chót như chảy máu.

Đàn ông mặc quần dài và rộng, thắt bằng đai dẫu bên dưới áo cánh lụa hay vải nhiều màu khác nhau. Khi ăn vận cho các dịp lễ lạc hay đi gặp quan lại, bậc trưởng thượng thì họ mặc thêm một hay hai áo dài chùng xuống tận đất, với một cái khăn đen quấn trên đầu để phủ tóc nhưng không che tai.



Hình 3: Đàn bà Việt Nam đầu thế kỷ 19

Đàn bà mặc quần dài và rộng bằng lụa giống như đàn ông che phủ bởi áo dài xoắn xuống tận đất, tay áo rất dài và rộng. Cả đàn ông lẫn đàn bà đều mang túi bằng sa tanh hay vật liệu khác để đựng trầu cau khi đi ra ngoài nhưng trước mặt một cặp trên thì không được để lộ ra, và phải bỏ khăn ra khỏi đầu. Khăn cũng không được đội khi ra khỏi cửa trừ khi là khăn trắng dấu hiệu của để tang nhưng loại y phục này không được mặc khi gặp quan lại. Đàn bà Việt Nam ăn mặc không mấy thanh lịch thì dễ dàng tưởng tượng được. Tuy nhiên một đặc điểm là họ xem chừng khôn ngoan hơn đàn bà Trung Hoa, chân họ không bị đôi giày hành hạ. Đàn bà thượng lưu chỉ đi dép và không mang vớ. Khi đi thăm ai họ được khiêng đi bằng võng che kín hoàn toàn. Đàn bà bình dân che nắng bằng nón rộng vành, đan bằng rơm một cách khéo léo. Một số phụ nữ làm nghề buôn bán và tỏ ra có khả năng hơn cả đàn ông trong thương trường, nhưng quả là sai

lầm khi một số tác giả khác đã viết là họ phải làm việc canh nông. Họ luôn luôn được chông đối đãi dịu dàng và kính trọng đến nỗi trong nhiều trường hợp phải nói như câu ngôn ngữ bình dân là "lệnh ông không bằng công bà" (29).

Ngày 28 tháng 8 thời tiết tốt và được các võ quan thuỷ quân và lục quân giúp đỡ tận tình, chúng tôi xuôi theo giòng sông vừa kịp để qua khỏi cồn cát, thả neo nơi cát mịn, nước sâu 7 fathoms, khoảng một dặm về phía đông bắc của vị trí phòng ngự nơi cửa sông. Khi quay trở về kinh đô để kết thúc thương vụ, một điều bất như ý đã xảy ra là một bài học cho những ai ở vào hoàn cảnh tương tự.

Một gia nhân thân tín của người con thứ hai của nhà vua đến kho chứa hàng của chúng tôi ở trên bờ nói rằng y cần một số món hàng cho hoàng tử và chúng tôi giao cho y. Hai tuần sau y mang lại những món hàng đó tất cả đều bể nát không còn dùng được kèm theo một thông điệp nói là điện hạ không muốn những món này. Viên thủ kho khẳng định là những hàng hoá đó từ ly, đồng hồ, súng bắn chim ... tất cả đều hoàn hảo khi giao và trong trường hợp này thì hoàng tử phải đền cho những món đã bị hư hỏng. Phía bên kia trả lời là vì họ không muốn những mặt hàng này nên họ nhất quyết không trả tiền và y cũng dùng những lời lẽ rất xúc phạm đến quốc gia chúng ta. Nguyên do của những rắc rối này tôi cho rằng vị hoàng tử kia nổi giận vì tôi từ chối không chịu cho ông ta một con chó Âu Châu mà tôi đem theo nhưng để dành cho một người khác.

Thấy không làm cách nào có thể chấm dứt lời nói xác xược đầy vẻ hù dọa của gã kia, tôi đành phải sai lính dưới quyền bắt y và ném tất cả những món đồ y mang tới xuống sông đồng thời nhờ một người đưa tin của thái tử có mặt lúc đó báo lại cho vị hoàng tử nội vụ và nhắc lại rằng trừ phi gã kia phải bị trừng phạt tức khắc và đền tiền cho những hàng hoá hư hỏng nếu không chúng tôi sẽ tâu lên hoàng đế. Chẳng bao lâu, viên quan lễ tân cho mời tôi đến khăng khăng đòi chúng tôi phải xin lỗi về việc xảy ra nhưng khi thấy tôi cứng rắn thì gã gia nhân kia bị trừng phạt và họ phải trả tiền số hàng, khi đó mọi việc mới được giải quyết thoả đáng.

Ngày mồng 4 tháng 9, sau khi đã chuyển hết số hàng mà triều đình mua lên kinh đô, tôi lên tàu với hai thuyền trưởng người Pháp khác đưa trở về tàu của họ đang neo tại vịnh Tourane. Khởi hành vào lúc 11 giờ sáng, chúng tôi đến vịnh cũng vào khoảng đó ngày hôm sau. Đến đây tôi được biết viên tổng đốc Quảng Nam muốn được gặp tôi tại tư dinh ông ta ở Chou-Couy, cách thành phố Fay-Fo là nơi tôi có thương vụ độ hai hải lý. Tôi khởi trình ngay có 6 người lính hộ vệ và một đội khác khiêng võng cho tôi. Ông Treillard, vị y sĩ của tàu Henry cũng tháp tùng nhưng ông thích đi thuyền theo con rạch. Khoảng cách chúng tôi phải đi, từ làng Ton-Han đến Fay-Fo là một ngày, khoảng 9 thô đường, mỗi đoạn một giờ. Đường rất tốt nhưng những chiếc cầu làm bằng tre xem ra không an toàn chút nào. Xứ này có ngựa nhưng không dùng xe. Voi thường lội ngang sông hay rạch còn hàng hoá thì do cả đàn ông lẫn đàn bà đi bộ mang trên người.

Khi đến cư sở của quan tổng đốc, dinh ông ta có tường gạch bao quanh giống như của nhà vua. Sau tường là trại lính, đền chùa và nhà ở cho một số tùy tùng đông đảo. Bên trong cùng là nhà của quan tổng đốc, cũng như Dionysius của xứ Syracuse, không thể đến gần được nếu người của ông ta chưa khám xét. Ông ta nhận món quà bằng thuỷ tinh của tôi tặng và hứa sẽ dành mọi sự dễ dàng cho người đồng hương của tôi nếu nằm trong quản hạt của ông.

Fay-Fo giống như một đại thương xá bên Ấn Độ. Thành phố gồm có một con đường thật dài, nhà bằng gạch, một tầng tất cả đều buôn bán, mặt tiền và kho hàng quay ra đường. Dân số ở đây độ chừng 60,000 người trong đó 1/3 là người Trung Hoa. Một vài con rạch chảy vào thành phố và thuyền bè cũng có thể xuôi ngược được như tại Huế. Những thuyền lớn của người Hoa, gọi là sommes (?) trọng tải 600 tấn đến Fay-Fo hàng năm. Con sông chia ra thành ba nhánh, một nhánh chảy thẳng ra biển trước cửa lao Chàm (Chamcollao), một nhánh chảy vào vịnh Tourane còn nhánh thứ ba chảy về tận cùng phía nam của tỉnh, đối diện với Pulo-Canton nhưng hai nhánh sau này chỉ thuyền nhỏ có thể đi lại được thôi.

Quay trở lại Tourane, chúng tôi về đến nơi vào khoảng 1 giờ sáng trong một đêm tối như mực nhưng vì lính canh rất nghiêm nhặt nên chúng tôi không bị ngăn trở lần nào. Con đường có nhà cửa dọc hai bên và ở đâu khách lạ cũng có thể xin giúp đỡ hay ngủ trọ và được tiếp đón niềm nở coi như vinh dự của chủ nhà. (30)

Quay về kinh đô một lần nữa, tôi đi thăm một số nơi đáng chú ý ở vùng lân cận. Nơi đầu tiên là ngọn đồi mà những tiếm vương (31) thường dùng làm chỗ tế thần, một ngọn đồi tuy do người đắp lên nhưng cao

đến trên 600 yards (khoảng 550 thước). Về hình dáng, ngọn đồi này trông như một hình nón bị cắt ngang, tọa lạc tại nam-đông nam của kinh thành. **(32)**

Khi khôi phục được giang sơn, vua Gia Long phá huỷ ngôi đền **(33)** và bàn thờ xây trên đỉnh núi và cũng đã từng có ý định san phẳng luôn cả ngọn đồi này nhưng thấy rằng để nhân công và tiền bạc làm chuyện khác hữu dụng hơn. Ở phía đông của địa điểm này là một ngọn đồi hình bầu dục thiên nhiên, cao hơn một chút, trồng đầy linh sam **(34)** (fir) một loại cây lớn và hiếm rất được người dân Việt Nam ưa chuộng chẳng khác gì dân Âu Châu ưa thích các loại rau lạ lùng của xứ này. Nơi mà vị vua hiện tại chọn làm chỗ tế lễ cũng không xa ngọn đồi này bao nhiêu nhưng tại đồng bằng và cũng trồng đầy linh sam.

Lễ nghi đáng kể nhất của xứ Việt Nam là tang lễ và thân nhân của người chết phải táng gia bại sản vì làm ma cho cha mẹ không phải là chuyện hiếm hoi. Chẳng cứ giới thượng lưu mà ngay chính hoàng đế cũng phải đứng tránh ra nhường đường cho một đám ma hay một đám cưới. Một tục lệ khá lạ lùng về phương diện kinh tế của triều Gia Long là một số phẩm hàm cao chỉ được phong tặng sau khi qua đời. Do đó nhiều gia đình gìn giữ rất kỹ lưỡng những bằng sắc vua ban cho một người quá cố với danh tướng quân hay đô đốc, dù rằng sinh thời chỉ là một sĩ quan thường.

Phẩm hàm và tước vị không được thế tập ở nước này; những danh vị được ban sau khi chết không làm tốn phí gì cho quốc gia mà lại làm cho họ thêm vinh dự. Việc tôn kính người đã khuất cũng giống như tại Trung Hoa và lòng thương cảm sẽ có lợi cho dân chúng nếu như không đi kèm với những lễ nghi phức tạp đầy mê tín và hủ bại. Niềm tin dựa trên nguyên tắc thiện ác là căn bản của tôn giáo xứ này, thờ cúng tổ tiên là để dưỡng thiện còn cầu nguyện và tế lễ là để khử ác và cũng để ma quỷ khỏi quấy nhiễu những người đã khuất.

Thế nhưng những mê tín đó không phải ai cũng có, mà thương cảm đó không thấy tại những đại thần và người có học. Nhà vua vẫn thường quở trách các triều thần khi coi ngài như bậc thiên tử:

- Nay các người, ta chỉ là con của một thần tử rất thấp hèn của hoàng thiên, của chủ tế vũ trụ, ngài đã ban cho ta làm cha mẹ của nhân gian như cho bao nhiêu người khác.

Những nhà sư, tức các giáo sĩ của người ngoại đạo, được rất ít ưu đãi của chính quyền. Thành thử họ cũng không nhiều mà cũng không giàu có và sống rất đạm bạc như bao nhiêu thường dân khác; tuy cũng có những cộng đồng tăng lữ và tu viện. Mọi tôn giáo đều được chấp nhận ở Việt Nam, số người theo đạo Thiên Chúa, theo giám mục xứ Verrenne, đại diện tông đồ của xứ này thì vào khoảng 60,000 người.

Công việc buôn bán của chúng tôi ở kinh đô như vậy cũng đã xong nên quay trở về tàu đang đậu ở vịnh Tourane bằng đường bộ vào ngày mồng 4 tháng 11. Ông Chaigneau, một trong những quan người Pháp, đã được phép nghỉ việc trong ba năm, sau khi ở đây hai mươi sáu năm liền, qua nhiều chức vụ chỉ huy quan trọng trong lục quân và hải quân, trở về Âu Châu theo tàu của chúng tôi. Đi chung trong chuyến này, kể cả những người lính theo hộ vệ và phu khiêng vồng, tổng cộng lên đến 200 người.

Chúng tôi đi theo con kênh mới đào, chảy ra cái hồ lớn và chương trình của chúng tôi là nhân tiện sẽ đi săn trên đường về. Chúng tôi đến làng Koua-Hay sáng sớm ngày hôm sau và phải lên vồng vì đường đi phải băng ngang qua một số đầm lầy. Xứ sở này trông thật hữu tình, chúng tôi đi săn vòng quanh những ngọn đồi, và quả có đủ loại cầm thú. Ở lân cận một số làng mạc, và cứ khoảng chừng 5, 6 dặm thì lại có một dịch trạm ở dọc theo đường cái, nơi đó khách đi đường có thể ở trọ, dưới sự canh phòng của một trạm trưởng của triều đình, cũng là người đứng đầu tất cả tuần tráng trong khu vực. Đêm hôm đó chúng tôi nghỉ lại dưới chân một đèo lớn sau những dãy đồi.



Hình 4: Đàn ông Việt Nam

Đọc theo chân đồi là một đầm nước lớn, phân cách với biển cả bằng một cồn cát, chiều rộng chừng 100 fathoms và dài 16 dặm. Cái đầm đó thông với biển bằng một khe rất hẹp chiều ngang chừng 20 fathoms nhưng có đá chắn nên chỉ thuyền thật nhỏ mới qua được. Đầm nước rất sâu và có thể trở thành một nơi trú ẩn rất tốt nếu như có một thông lộ được mở ra. Thế nhưng số hải cảng thiên nhiên ở xứ Việt Nam đã nhiều quá rồi nên người ta chẳng thấy có nhu cầu bỏ công sức khai mở thêm một bến đậu nữa. Cái đầm nước mặn ấy cũng đầy những cá cung cấp một nguồn lợi dồi dào cho dân chúng sống ở những làng xóm chung quanh.

Sớm hôm sau chúng tôi bắt đầu lên chiếc đèo Tây Sơn đã nói và trước khi đến nơi nghỉ ăn lót dạ thì chúng tôi đã giết được 100 con khỉ, một loại khỉ lớn đặc biệt của xứ này. Tôi phải mất nhiều công lao mới bắt sống được một số con đem về Pháp làm mẫu. Trong chuyến đi săn này có rất nhiều con bị bắn hạ nhưng mỗi khi bị thương thì bầy khỉ xúm lại cố gắng khiêng những con chết hay bị thương chạy vào rừng. Ba con khỉ con tôi bắt được vì đã chạy lại vây quanh xác mẹ nó và phải mất rất nhiều công sức mới lôi được chúng ra. Loài khỉ này rất giống loại đười ươi (oran-outang) về hình dáng và cá tính không tấn công người, sống trên đỉnh những cây to ở núi cao, chỉ ăn trái cây. Việc tương đồng giữa hình dáng chúng với con người thật đáng kể.

Bộ lông của chúng rất mềm: tay và chân màu đen, vai và cẳng chân thì đỏ thẫm, bụng màu trắng, lưng màu xám; khuôn mặt phẳng màu trắng, má đỏ, đôi mắt to và đen, một số con đực khi đứng trên hai chân sau đo được 4 feet 4 inches (1.3 mét). Ở xứ này người ta gọi nó là venan³⁵ có nghĩa là người ở trong rừng.

Khi qua mấy ngọn đồi chúng tôi thấy dấu vết của voi rừng và sau khi vượt qua một số thác nước chảy xiết thì lên đến đỉnh đèo lúc một giờ trưa và hầu như lúc nào cũng lên dốc. Trên đường đi tôi để ý thấy mấy tảng đá lớn, bên trên có mấy đồng đá nhỏ chặn những tờ vàng mã. Đây là lễ tạ ơn của những người phu được thuê mang những hàng hoá nặng ngang qua núi nên cúng tế thần thổ địa đã phù hộ cho họ hoàn thành công tác. Ngồi lại nghỉ chân uống nước trong điểm canh trên đỉnh đèo nhìn xuống dưới chân là khung cảnh hùng vĩ của vịnh Tourane, chiếc tàu của chúng tôi trông chỉ nhỏ như một chiếc hạt dẻ.

Nghỉ ngơi chừng một tiếng rưỡi chúng tôi bắt đầu đi xuống với tốc độ nhanh hơn dự tưởng và con đường cũng bị đá tảng chắn lối nhiều hơn nên cũng mệt hơn khi lên dốc. Năm giờ chiều chúng tôi đến điểm canh nơi bờ biển nơi đó cơn nước đã sẵn sàng. Khi mặt trời bắt đầu lặn xuống sau những ngọn đồi, chúng tôi sẵn công là thứ mà ở đây có vô số kể. Chúng tôi gập vết chân cộp mới đi và theo lời của dân chúng trong làng bên cạnh thì trong thời gian gần đây giống thú này thường xuất hiện ở khu vực này. Người ta đã đặt bẫy và đã đem dâng vua được ba con. Cũng may là chúng tôi biết tin đó nếu không viên y sĩ của chúng tôi đã vướng phải bẫy, mà người ta đặt một con chó sủa để dụ cho con thú đi ngang qua.

Để dựng chiếc bẫy này người ta dựng một túp lều dôi, mở toang ra bốn mặt chỉ có một lối vào chắn bằng một cửa hờ tự đóng lại từ bên trong. Khi con hổ nghe tiếng chó sủa nó sẽ chui vào chiếc lều ngoài và cửa phía sau sẽ đóng lại. Thế nhưng con chó bên lều phía trong vẫn còn cách với con cạp một vách ngăn. Con chó huấn luyện trong việc này cứ tiếp tục sủa cho đến khi con hổ lọt hẳn vào bẫy lúc đó mới thôi và người ta sẽ kéo đến để giết hay để khống chế con vật hung dữ này. Hổ ở Việt Nam cũng cùng loại với hổ Bengal.

Rừng ở đây là nơi trú ẩn của nhiều thú vật, nhất là trâu rừng, là mục tiêu cho những vụ săn lớn do triều đình tổ chức. Hươu, sơn dương sừng trắng, tê ngưu, lợn lòi và voi cũng rất nhiều nhưng con thú đáng ngại nhất là cạp vì chúng tấn công cả người lẫn vật. Theo người ta kể thì hổ chỉ sợ có một thứ là tê ngưu (rhinoceros), và trận chiến giữa hai bên, thỉnh thoảng có biểu diễn tại kinh thành, thì tê ngưu luôn luôn là kẻ thắng. Mỗi năm có một vụ săn cạp lớn mà lần nào số người bị giết và bị thương cũng đông, nghe kể là có khi còn hơn cả những trận đánh gần đây. Nhà vua nuôi một đội voi rất lớn, dùng để đi săn cũng như trong chiến tranh.



Hình 5: Một góc kinh thành Huế nhìn từ trên cao

Việc săn công của chúng tôi không mấy mỹ mãn vì chúng tôi chỉ bắn được một con. Sáng hôm sau khi định đi săn tiếp chúng tôi lại phát hiện những dấu vết mới của cạp nhưng chúng tôi đồng người nên không sợ gì chúng tấn công. Hai người võ trang, một người bằng đao, một người cầm giáo ngắn thường không mấy khi bị thương và thất bại trong việc chiến thắng con vật dữ tợn kia. Hai người cũng đủ để thắng một con voi nếu như đi lẻ ra khỏi bẫy và thường là khi nó đi ăn ở dưới chân đồi. Hai thợ săn, trang bị bằng súng nòng lớn, tiến đến gần voi từ hai ngả khác nhau cho đến khi chỉ cách con vật chừng 30 bước. Khi đó họ làm hiệu cho nhau rồi một người sẽ hú lên một tiếng. Con voi không có gì tỏ ra hoảng hốt sẽ ngẩng đầu lên nhìn chăm chăm vào kẻ mới la và y sẽ bắn ngay vào trán nó. Nếu như con vật không ngã hay không bị thương, nó sẽ rượt theo người thợ săn đang nhanh chân bỏ chạy. Người thợ săn thứ hai lập tức đuổi theo bắn con voi từ phía sau và khi con vật quay lại thì người thứ nhất lại bắn. Lối tấn công luân phiên này khiến cho con vật đáng thương lăn ra chết sau lần thứ hai hay thứ ba bị bắn trúng vì thợ săn Việt Nam can đảm và thiện xạ trong chiến thuật này đến mức đáng ngạc nhiên. Ở xứ này người ta ăn thịt voi. Voi voi và chân voi được coi là những chỗ đặc biệt và thường được dâng lên các ông hoàng và các quan lớn. Tôi đã từng ăn những món này tại bàn ăn của quan bộ Lễ và thấy quả là ngon.

Việt Nam cũng phong phú về khoáng sản nhưng chỉ có hai mỏ được khai khẩn đều là cho nhà vua. Nếu ai tự ý khai mỏ hay ngay cả nói về chuyện này cũng bị tử hình. Tôi biết rằng gần Phú Yên có mỏ vàng, nhiều đến nỗi chỉ cần 4, 5 pounds quặng là có thể đãi được 20 ounces vàng ròng. Thế nhưng triều đình sợ người Âu Châu thèm muốn nên dùng đủ mọi cách để khỏi tiết lộ về những mỏ này.

Trở về tàu vào buổi sáng hôm đó chúng tôi lại lên bờ ngủ tại nhà mà viên Fantou đã sửa soạn tại Ton-Han. Cuộc du ngoạn kế tiếp của chúng tôi là đi xem núi đá cẩm thạch nằm ở phía nam đông nam, cách vịnh chừng 8 dặm. Chúng tôi vừa săn vừa đi và được thăm những hang động kỳ diệu, đẹp tuyệt trần, một kỳ công của thiên nhiên và thời gian. Những tảng đá đó không xa biển nên rất có thể ở một thời kỳ xa xưa nước đã bao phủ cả vùng này mặc dù đến nay thì những hang đá đó đã trồi lên 200 fathoms trên mực nước biển. Tuy nhiên những hòn đá đó đã gọi sai tên vì không phải là cẩm thạch (marble) mà chỉ là tuyết hoa (alabaster) pha trộn (36), một loại thạch cao trong mờ so với đá hoa thì kém xa. Những tảng đá đó được dân chúng ở xung quanh tạc thành nhiều hình thù khác nhau. Cũng trong những tảng đá đó, giữa

những bụi rậm, lần đầu tiên tôi bắt gặp hai con chim ruồi **(37)**, bay vù vù với tốc độ phi thường đến sát tôi và kêu lên inh ỏi nên tôi nghĩ rằng tổ của chúng ở đâu đó gần đây nhưng chúng tôi không tìm ra.

Cũng nơi đây tôi trông thấy một con gà rừng, và quả là loài chim đẹp nhất tôi từng thấy và cũng cùng với loại người ta bắt gặp ở Pulor Condo hay Sumatra. Tôi cũng không có cái may mắn bắt được nó và cũng không biết có quyền mang một con về nước hay không? Ở Việt Nam còn có một loại chim khác còn lạ lùng hơn loài gà rừng mà các nhà điểu học **(38)** cũng chưa biết mà tôi cũng chưa bao giờ thấy ngoại trừ một cái lông. Chính nhà vua cũng không hơn. Theo lời dân chúng, loài chim dị thường này sống tại những ngọn núi người không vào được ở Phú Yên **(39)**. Họ gọi nó là kintrey (chim trời?) tức là chim thần. Con chim đó to bằng chim bồ câu, mỏ đỏ, đầu đen, cổ trắng, cánh màu vàng, bụng và đuôi màu xám. Lạ lùng nhất ấy là cái đuôi dài chừng 8 feet. Cái lông chim tôi được thấy tuy đầu đã bị cắt mất nhưng cũng còn dài đến 5 feet 6 inches. Người dân quê kể nhiều chuyện lạ lùng về loài chim này mà tôi cho rằng vì ngu dốt hay do tưởng tượng cũng như việc họ nói về một giống người có đuôi sống ở phía nam xứ Siampa.

Giống người lạ kỳ này gọi là mọi hay người rừng, viên quan bộ Lễ kể cho tôi nghe chính ông ta đã từng xem xét, khi chỉ huy một đội tượng binh ở tỉnh đó. Ông ta cũng bắt một người đưa về kinh trình lên nhà vua và hoàng đế đã trả y về quê quán với nhiều quà tặng. Những người bạn Pháp đáng kính của tôi làm quan trong triều chưa bao giờ được thấy những sinh vật dị thường này nhưng họ thường nghe nói tới và xác quyết qua những nhân vật có uy tín và đứng đắn nên họ cũng không thể không tin những lời tường thuật đó. Người ta bảo rằng đuôi của mọi dài chừng 8 inches rưỡi (21 cm). Tuy giống người đó biết nói và có bộ mặt người nhưng viên quan có vẻ chỉ coi họ như một con vật chưa phát triển đầy đủ.

Việt Nam hiện hữu rất nhiều giống vật đủ mọi loài nhưng trừ một vài biệt lệ đã nói tới ở trên những giống khác chắc cũng tìm thấy nơi các quốc gia ở sâu bên trong vì nước này chỉ là một dải đất hẹp tiếp giáp với biển ở phía đông và những dãy núi chắn ở phía tây. Một nhà thiên nhiên học tài ba có thể khám phá ra nhiều giống vật lạ lùng và hiếm hoi nhưng không phải thuộc những giống mà người ta chưa hề biết tới. Còn với một nhà thực vật học thì còn nhiều khu vực chưa được nghiên cứu nhưng trong tình trạng hiện tại, thái độ của triều đình đối với người lạ, nhất là với người Pháp thì chỉ cần một chút dè dặt là những khoa học gia có thể được vào tìm hiểu một cách dễ dàng. Một người không rành về cây cỏ như tôi và cũng chưa từng lao đầu vào đề tài này cũng biết là Việt Nam có nhiều loại cây mà họ dùng làm thuốc rất hiệu nghiệm.

Tôi có may mắn được ở Fay-Fo khi tiếp nhận các khoá sinh đi thi vì trên tất cả các tỉnh của vương quốc, Gia Long đã thiết lập các trường công chia thành hai lớp. Đối với lớp thứ nhất, tất cả các bậc cha mẹ phải gửi con đến học khi chúng được 7 tuổi để học đọc và viết. Lớp thứ hai là để dạy cho những ai muốn theo đuổi nghiệp văn chương bao gồm Bắc sử (sử Trung Hoa) và sử của chính quốc gia này vì lịch sử hai nước không thể tách rời nhau; họ cũng học nguyên tắc triết lý của Khổng Tử, khoa học tự nhiên và y khoa. Cứ cuối mỗi 5 năm thì loại trường thứ hai này đào tạo được một số thí sinh lên kinh đô để được xem xét và cho vào danh sách những người có học bởi chính thái tử là người có trình độ học thức cao nhất trong nước (thực ra chỉ theo học vị) sẽ làm chánh chủ khảo và ban cho cho một số giải.

Tỉnh Quảng Nam là nơi Fay-Fo tọa lạc, có ù không dưới năm thí sinh trúng tuyển và toàn thể dân chúng đã sửa soạn để ăn mừng trong dịp cực kỳ vinh dự này. Một bữa tiệc và một tuồng hát được sửa soạn để đãi khách, mỗi người được che lọng **(40)** cùng y phục thích hợp với thứ bậc thi đậu. Tuy nhiên vì bận công việc nên tôi không thể tham dự từ đầu chí cuối các nghi lễ. Ngoài ra đức vua đã cho triệu viên y sĩ của chúng tôi vào xem bệnh cho một trong những cô con gái của ngài, công chúa thứ chín bị sưng tay mà ngự y trong triều ai nấy đều bó tay. Từ khi chúng tôi đến đây, viên y sĩ đã chùng ngựa cho khoảng 50 trẻ em bằng virus mang từ bên Pháp qua để giữa hai miếng kính. Thế nhưng không khí đã lọt vào nên việc chùng ngựa không hiệu quả khiến chúng tôi vừa thất vọng, vừa bức tức vì bệnh đậu mùa thường là gây thiệt hại rất ghê gớm cho dân chúng xứ Việt Nam.

Trong một buổi hội tại Fay-Fo do một viên quan đầu tỉnh tổ chức trong đó có một số bà hiện diện, có vài quả phụ và một số thiếu nữ đến mời tôi ăn trà. Về sau tôi mới hiểu rằng phong tục này là một đặc ân hết sức thân mật, chứng tỏ là những phụ nữ đó sẵn sàng tiến đến hôn nhân mà không cần tìm hiểu thêm về tình trạng hay tính nết của tôi. Để đáp lại thịnh tình của họ, tiếc thay tôi lại không hiểu ra, nên đã đền đáp bằng một số hàng của Pháp, nếu không ngộ nghĩnh thì cũng có thể biết được dùng để làm gì. Cách đối xử lịch thiệp này xem ra ai nấy đều hài lòng.

Trong số rất nhiều chuyện đáng nói ở Việt Nam, chúng tôi được mục kích một việc rất khác thường. Khi giao súng hoả mai cho triều đình chúng tôi luôn luôn cắt một sĩ quan có mặt trên bờ theo yêu cầu của viên quan tiếp nhận khí giới để biết chắc là mọi việc đều ổn thoả. Việc kiểm tra các món hoả khí đều sưng sè, trong số 10,000 khẩu súng chỉ có 25 khẩu bị trả lại. Mặc dù những súng giao xong rồi còn cần kiểm soát lại, nhưng vì tin tưởng vào chúng tôi nên nhà vua vẫn ra lệnh thanh toán đầy đủ. Sau một thời gian kiểm phẩm, chúng tôi được thông báo rằng một số lớn súng đã vỡ nòng khi đem ra bắn thử. Chúng tôi đã tìm ngay ra nguyên nhân chính vì cách thử chú không phải vì phẩm chất của nòng súng; mỗi lần bắn thì người Việt Nam đã cho vào đến một ounce rưỡi thuốc nổ (khoảng 42 grams), chèn bằng 5 ounces đất ướt, sau đó nhồi chặt bằng búa. Bằng lối này, đất có thể ngăn sức nổ nhiều hơn sự chịu đựng của nòng súng. Chúng tôi chỉ cho những người thử súng biết và báo lại cho viên quan kiểm nhận, đồng thời cũng giảm giá cho những súng bị phá hỏng và khẳng định rằng việc này hoàn toàn ngoài dự liệu của chúng tôi chứ không phải cố ý đánh lừa triều đình. Đức vua vốn đã quen với việc buôn bán nên chỉ thị cho viên thượng thư là ông không bắt lỗi gì và cũng không đòi bồi thường thiệt hại, ông hài lòng với việc giải thích nguyên nhân của trục trặc này và để chúng tôi tỏ điều đó ông hoàn toàn tin tưởng chúng tôi trong những lần giao dịch với nước Pháp trong tương lai.

Theo qui định cũ, mọi tàu buôn từ Macao đến và mọi thương thuyền ngoại quốc ghé các hải cảng ở Việt Nam đều bắt buộc phải đóng một thuế biểu nhất định, bất kể cỡ và trọng tải của tàu. Để bãi bỏ cách tính thiếu công bằng và phi lý này, vua Gia Long đã ra một chỉ dụ vào tháng chín năm trị vì thứ 17 của ngài (nhằm tháng mười năm 1818 theo TL) ra lệnh mọi tàu buôn ghé bến của nước này đều phải đo chiều dài và chiều ngang nơi khoảng giữa. Chỉ dụ cũng đề cập các món hàng bao gồm ngà voi, sừng tê, đậu khấu (cardamom), quế, tiêu, gỗ nhuộm, gỗ mun sẽ phải đóng thuế 5% trên giá trị món hàng. Trầm hương và kỳ nam hoàn toàn không được nhập cảng và việc mua bán gạo thì chỉ được phép hay cấm chỉ tùy theo nhu cầu tiêu thụ trong nước, còn việc xuất cảng vàng, bạc, đồng thì hoàn toàn không được phép. **(41)**

Gỗ dùng để đóng thuyền hay làm cột buồm phải đóng thuế 10% và mọi sắc thuế phải thanh toán đầy đủ trước khi được phép đem hàng xuống thuyền và piastre được chính quyền nhận theo hối đoái một quan ăn năm đồng. Riêng đường mía được miễn thuế.

Chúng tôi cũng đã đề cập đến ở trên là một viên quan đang ở trong triều xứ Việt Nam là ông Chaigneau sẽ theo tàu Henry cùng với gia đình về Pháp. **(42)** Để làm mẫu cho việc



Hình 6: Chaigneau

xếp đặt này và cách làm việc của vua Gia Long, chúng tôi trích một phần trong chiếu chỉ cho phép ông rời nước:

“Chiếu truyền của hoàng đế (tức vua Gia Long) gửi cho ông Chaigneau, tức Thăng, quốc tính Nguyễn, quan nhị phẩm triều đình, một trong những người được hưởng đặc quyền vào nội cung và diện kiến thiên nhan, chỉ huy của hai chiếc tàu, Thoại và Phụng.

Ông Chaigneau đã đệ lên một tờ biểu nói rằng đã rời nước Pháp từ năm 1791 đến nay, từng phục vụ tại nhiều hải cảng dọc theo bờ biển, không thể kể xiết, cuối cùng đã đến Gia Định nơi chúng ta đang ở và tình nguyện phục vụ và trầm đã chấp thuận.

Kể từ đó đến nay, trong tất cả mọi chiến dịch, dù trên biển hay trên đất liền, ông ta luôn luôn phò tá trầm hết sức trung thành, đối diện với biết bao gian nguy không hề lay chuyển.

Nay, nhờ hoàng thiên độ trì chúng ta đã chiến thắng mọi kẻ thù và an hưởng hoà bình trên toàn cõi, trầm cũng muốn ban thưởng những đặc ân cao quý nhất cho ông Chaigneau. Thế nhưng nghĩ đến 26 năm qua ông ta phải rời khỏi quê cha đất tổ, xa cách mọi người thân thích và tha thiết được trở về thăm lại đất nước, bằng hữu một lần, cầu xin trầm cho phép ông ta cùng vợ con được đáp một chiếc tàu buôn sắp sửa giương buồm về Pháp, trầm đã bằng lòng đáp ứng lời thỉnh cầu vì điều đó thuận tự nhiên và đáng khuyến khích. Vì thế nên nay ông được phép vắng mặt khỏi vương quốc của ta trong thời hạn ba năm, nghĩa là từ 1819 đến 1821. Ông ta cũng được phép mang trở lại nước ta 3000 món hàng được hoàn toàn miễn thuế như một đặc ân của trầm.

Trên hết những ân điển nêu trên, trầm khẳng định là ban cho ông tất cả những lương bổng của năm tới để chúng tỏ là trầm đánh giá ông cao như thế nào, hậu thưởng biết bao đối với những người lạ đến từ những nơi xa xăm để phục vụ cho trầm. Làm như thế họ cũng hiểu được rằng dù sống ở nơi nào trong thiên hạ họ cũng vẫn không quên được chúng ta luôn luôn là một vương quốc tốt lành như những thời kỳ trước đây và tấm lòng yêu thương và thân ái của trầm đền đáp lại."

Chúng tôi đã quyết định ngày 13 tháng 11 sẽ rời khỏi vịnh Tourane và khi ông Chaigneau cùng gia đình lên tàu ổn thoả rồi, chiếc Henry liền nhổ neo và tách bến. Tất cả thủy thủ đoàn, mặc dầu trời nóng và có mưa nhưng ai nấy đều mạnh khoẻ. Tuy nhiên cũng nên hiểu rằng không phải khí hậu ở đây không tốt lành nhưng các cấp chỉ huy vì muốn mọi người ở trong điều kiện tốt nên phải phải nhọc nhằn một chút. Những ai dù chỉ hơi ốm đau cũng không thể bỏ qua mà phải được chữa trị như đang bệnh nặng.

Cuộc hành trình tiếp tục và chúng tôi lại qua eo biển Sunda ngày mồng 3 tháng 12 thì qua Gaspar. Chúng tôi quan sát vùng hiểm nguy nơi phía bắc của hòn đảo mà con tàu Mỹ Magdalen đã từng tìm ra. Sau con tàu đó dường như không một thương thuyền nào nhận ra mặc dù điểm đó nằm ngay trên hải trình của những ai từ bắc đi xuống và một số tàu Anh đã cố tình tìm kiếm nhưng không thành công.

May mắn rơi ngay vào vùng nguy hiểm mà không xảy ra tai nạn, chúng tôi biết chắc là vùng đó có thật và cũng xác định được tọa độ của nó. Điểm đó bao gồm hai dãy san hô bên dưới mặt biển từ 9 đến 12 feet bao trùm một khoảng rộng 170 toises (182 fathoms) từ đông bắc xuống tây nam, và 30 toises (32 fathoms) từ tây bắc xuống đông nam. Rất gần với bãi san hô này độ sâu đo được là 17, 20 và 25 brasses (15, 18 và 22 fathoms). Khi tàu ở ngay trên điểm này thì đỉnh Gaspar nằm cách 8 hải lý và 1/3 ở tọa độ 80 bắc theo la bàn.

Vĩ tuyến đúng của bãi san hô là 10^o58' nam và kinh độ là 104^o4'30" đông tính từ Paris (tức 106^o24'30" đông theo độ Greenwich). Chúng tôi vẽ vào hải đồ dưới cái tên đảo Bourbon và tiếp tục đi tới vào ngày mồng 8 tháng giêng năm 1820, đến ngày 14 tháng tư thì chúng tôi vào sông Bordeaux.

Tháng 10, 2006

=====

Chú thích:

1 .Trong bài này khi nói đến viên y sĩ trên tàu Henry, tác giả dùng chữ surgeon (bác sĩ giải phẫu). Vào thời trung cổ, các y sĩ trên tàu chủ yếu là để thực hiện việc cắt các bộ phận bị thương trong chiến đấu vì người ta chưa có các loại thuốc trụ sinh hay những phương thức sát trùng hữu hiệu. Để giảm đau, nạn nhân thường được cho uống rượu rum hay brandy, ngâm trong miệng một cuộn da (gag) để cắn. Chính vì thế thay vì gọi là y sĩ, bác sĩ, họ gọi là bác sĩ giải phẫu.

2 . Đơn vị đo chiều sâu của nước biển, bằng 1.82 mét

3. tức đảo Côn Lôn của ta ngày nay

4. nguyên văn Cochín-China tức miền Nam Việt Nam hay còn gọi là Đàng Trong theo tên gọi thời đó. Trong bài này Cochín-China được dùng để gọi toàn thể nước ta không còn chỉ nói về miền nam như trước.

5. nguyên văn military commandant. Tuy nhiên có lẽ đây là phân tào, người trông coi một bộ phận vận tải của triều đình

6. nguyên văn mandarin of justice

7. nguyên văn Kigue. Huế trong lịch sử còn được ghi lại dưới nhiều tên khác nhau như Kê Héo, Kê Hoá, Kê Huê ... Bùi Minh Đức, Từ Điển Tiếng Huế, Tâm An, 2001 tr. 229-30

8. nguyên văn dùng là 2 toises. Toise là đơn vị đo lường cũ, 1 toise khoảng gần 2 mét.

9. nguyên văn cavalier, ụ đất đắp cao để đặt súng phòng ngự

10. Theo sử nước ta, vua Gia Long bắt đầu xây dựng kinh thành Huế từ năm 1804, bên cạnh làng Phú Xuân có tháp canh, hào lũy và pháo đài phòng thủ. Mỗi buổi sáng lúc 5 giờ và buổi tối lúc 9 giờ thì có bắn súng thần công báo hiệu giờ mở cổng và đóng cổng thành. Vua Gia Long cũng cho khơi lại giòng sông Hương, thay đổi để làm thành một chiến hào thiên nhiên bao quanh thành Huế năm 1805. Thành Huế cũng được tu bổ thêm dưới thời vua Minh Mạng. His Majesty Emperor Bao Dai và Philippe Lafond: Hue, The Forbidden City, Paris 1995.

11. nguyên văn Tunkin

12. những chi tiết hoàn toàn sai lạc đủ biết người ngoại quốc hiểu biết không mấy chính xác về lịch sử Việt Nam

13. nguyên văn Gn-yac

14. nguyên văn free-booters

15. nguyên văn Dung-Nay

16. nguyên văn Cambogia

17. tác giả muốn nói tới những vị vua cuối cùng của nước Pháp trước cuộc cách mạng 1789

18. tức Louis XVI theo cách viết của Pháp

19. nguyên văn Cuang

20. có lẽ là chữ Lớn (quan lớn) nhưng tác giả ghi âm không chính xác và hiểu không đúng nghĩa

21. đô sát viện

22. tức Bá Đa Lộc

23 nguyên văn Kigue. Kẻ Huế hay Kẻ Hoá là tên gọi thời đó

24 tức vua Cảnh Thịnh

25. ám chỉ Trung Hoa

26. Koua-Han

27. theo sử nước ta thì sư phó dạy hoàng tử Đảm (tức vua Minh Mạng sau này) là Đặng Đức Siêu, một danh sĩ gốc theo đạo Thiên Chúa nên có lẽ thiên văn, khoa học, chữ Quốc Ngữ ... hoàng tử học được từ ông thầy này.

28. muôn, muôn tuổi vua Phá Lang Sa, vua An Nam

29. nguyên văn the grey mare is the better horse là một câu của người Anh có nghĩa tương tự như trong nhà đàn bà nắm quyền

30. Ông Le Poivre đến Cochinchina 50 năm trước có kể rằng một khách đi đường, nếu không có tiền để vào nghỉ trọ trong quán thì chỉ cần vào ngôi nhà đầu tiên của một thành phố hay một làng người đó gặp; chẳng ai hỏi han y làm gì, cũng chẳng cần nói năng với ai, chỉ ngồi chờ đến bữa ăn. Ngay khi cơm dọn ra người đó lặng lẽ tới, ngồi vào bàn với gia đình, ăn, uống xong ra đi không cần nói một lời nào, cũng không ai hỏi y một câu. Chỉ cần đó là một người, cũng như một anh em bị cơ nhờ là họ giúp không cần phải biết gì thêm.

31. Nói về các vua đời Tây Sơn.

32. Đây có lẽ là núi Bân (Bân Sơn), nơi vua Quang Trung đăng quang khi lên ngôi hoàng đế.

33. Nguyên văn là pagoda nhưng thực ra là thái miếu của nhà Tây Sơn.

34. Một loại cây to giống như cây thông

35. dã nhân

36. pseudalabastrites

37. hummingbird

38. ornithologist

39. Phuyenne

40. nguyên tác appear in garlands (mang vòng hoa?) xem ra không thích hợp với phong tục Việt Nam

41. Theo DNTL, đệ Nhất kỳ quyển LVIII chép rằng: " ... định lại ngạch thuế thuyền buôn Mã Cao và Tây Dương. Trước kia thuyền buôn các nước đều theo như thuế thuyền buôn Quảng Đông, Hữu ty không chia thuyền lớn nhỏ, đánh thuế một loạt; đến nay đổi lại theo thuyền mà đánh thuế khác nhau. (Phàm buôn ở Thuận An, Đà Nẵng, thuyền nào chiều ngang từ 25 thước đến 14 thước, mỗi thước đánh thuế 96 quan, ngang từ 13 đến 7 thước, mỗi thước đánh thuế 60 quan; phàm buôn ở Gia Định, thuyền nào chiều ngang từ 25 đến 14 thước, mỗi thước đánh thuế 160 quan, ngang từ 13 thước đến 7 thước, mỗi thước đánh thuế 100 quan; lẻ từ 1 tấc trở lên thì tính chiết ra mà đánh thuế; từ phân ly trở xuống đều miễn). (tr. 977)

42. DNTL, đệ Nhất kỳ, quyển LX chép: Chương cơ quản tàu Thụy phượng (thực ra là hai tàu Thụy và Phượng) là Nguyễn Văn Thắng xin nghỉ về Tây. Thường cho bổng hai năm mà về (tr. 994)

